TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **01**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2024.
V/v: *Xin ly hôn*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Ông Nguyễn Sơn Hà;
- **Các Hội thẩm nhân dân**: Ông Đỗ Xuân Trường; Ông Bùi Văn Độ.

Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký tòa án

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2023/TLST – HNGĐ ngày 09/10/2023, về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2023.

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Phú N, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: Cụm 6, xã T, huyện Đ, thành phố H; Nơi ở hiện tại: Cụm 3, xã A, huyện Đ, thành phố H; Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 4, ngõ 128, đường Đ, cụm 6, xã T, huyện Đ, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Phú N trình bày:

Chị và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T tại T làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 nguyên nhân do không hợp về tính cách, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị N đã sống ly thân từ ngày 30/8/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Trần Mỹ Duyên, sinh ngày 25/12/2012, cháu Trần Tuấn Khang, sinh ngày 6/3/2015 và cháu Trần Anh Thư, sinh ngày 26/9/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Mỹ Duyên, cháu Trần Anh Thư.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai của anh Trần Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị N có tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H. Anh chị chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau. Nay chị N xin ly hôn anh nghĩ chị N đã hết tình cảm với anh nên anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Mỹ Duyên, sinh ngày 25/12/2012, cháu Trần Tuấn Khang, sinh ngày 6/3/2015 và cháu Trần Anh Thư, sinh ngày 26/9/2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi ba cháu. Không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Anh Thư và đề nghị Toà án giao cho anh T nuôi cháu Trần Mỹ Duyên, cháu Trần Tuấn Khang.

- Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên Toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên Toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử và thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ Điều 55, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Phú N về việc xin ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: đề nghị giao con cháu Trần Anh Thư cho chị Đào Thị Phú N, giao cháu Trần Mỹ Duyên, cháu Trần Tuấn Khang cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị N cho đến khi anh T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa án, bản tự khai của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Đào Thị Phú N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Trần Văn T. Anh T có hộ khẩu thường trú tại cụm 6, xã T, huyện Đ, thành phố H nên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

theo quy định tại Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh T không có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

Về nội dung:

Chị Đào Thị Phú N và anh Trần Văn T kết hôn ngày 26/6/2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mẫu thuẫn giữa gia đình hai bên không thể hoà giải được. Chị N xác định tình cảm không còn và đề nghị được ly hôn với anh T. Tại phiên hoà giải, phiên toà anh T vắng mặt nên Toà án không hoà giải đoàn tụ được. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Đào Thị Phú N được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Mỹ Duyên, sinh ngày 25/12/2012, cháu Trần Tuấn Khang, sinh ngày 06/3/2015 và cháu Trần Anh Thư, sinh ngày 26/9/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của cháu Duyên, cháu Khang khi chị N đưa các cháu đến Toà án thì có nguyện vọng ở với mẹ, tuy nhiên sau đó thì các cháu lại thay đổi ý kiến có nguyện vọng ở với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy về điều kiện kinh tế của chị N đủ điều kiện để chăm sóc con và tại phiên toà chị N có nguyện vọng nuôi một cháu là cháu Trần Anh Thư nên Hội đồng xét xử giao cháu Thư cho chị N nuôi dưỡng. Đối với điều kiện hoàn cảnh anh T đang làm lao động tự do tại địa phương thu nhập chưa ổn định, tuy nhiên dưới sự giúp đỡ của gia đình và có nơi ở ổn định thì việc anh T xin nuôi ba cháu là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử giao hai cháu là cháu Trần Mỹ Duyên, cháu Trần Tuấn Khang cho anh T nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị N cho đến khi anh T yêu cầu.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết;

Về án phí: Chị Đào Thị Phú N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Đào Thị Phú N. Cho chị Đào Thị Phú N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Mỹ Duyên, sinh ngày 25/12/2012, cháu Trần Tuấn Khang, sinh ngày 06/3/2015 và cháu Trần Anh Thư, sinh ngày 26/9/2017. Giao cháu Trần Anh Thư cho chị Đào Thị Phú N nuôi, giao cháu Trần Mỹ Duyên, cháu Trần Tuấn Khang cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị Đào Thị Phú N cho đến khi anh T yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết;

4. Về án phí: Chị Đào Thị Phú N phải chịu **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm được trừ **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0003332 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKS Huyện Đan Phượng, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sơn Hà